

Số: /BC-SNN

Bình Thuận, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Về tình hình phát triển các giá trị của hệ sinh thái rừng và phát triển, khai thác, chế biến, tiêu thụ dược liệu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 79/TCLN-DDPH ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc triển khai xây dựng Đề án phát triển Dược liệu và Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo nội dung cụ thể, như sau:

Phụ lục I. Báo cáo thực trạng gây trồng, phát triển, khai thác, chế biến, tiêu thụ dược liệu và định hướng thời gian tới

PHẦN 1: THÔNG TIN CƠ BẢN

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

1. Diện tích các loại đất đai

Tổng diện tích tự nhiên 794.260 ha; diện tích đất rừng 335.444,64 ha (*đặc dụng 32.496,34 ha, phòng hộ 135.533,30 ha, sản xuất 167.415 ha*), đất trồng cây hàng năm 49.231,16 ha, đất trồng cây lâu năm 225.066,69 ha và đất khác 184.517,22 ha (*Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận, Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cấp huyện*).

2. Đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn

- Chủ yếu là đồi núi thấp, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp, địa hình hẹp ngang kéo theo hướng đông bắc - tây nam, phân hoá thành 4 dạng địa hình cơ bản: núi thấp, gò đồi, đồng bằng, đồi cát và cồn cát ven biển.

- Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên thời tiết Bình Thuận nhiều nắng, nhiều gió, không có mùa đông và khô hạn nhất cả nước. Khí hậu nơi đây phân hóa thành 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhưng trên thực tế mùa mưa chỉ tập trung vào 3 tháng 8, 9 và tháng 10, vì vậy mùa khô thường kéo dài.

- Nơi đây có nhiệt độ trung bình 27°C, lượng mưa trung bình 1.024 mm, độ ẩm tương đối 80% và tổng số giờ nắng 2.811 giờ, Lượng mưa của năm 1.034 mm.

- Sông ngòi tại Bình Thuận đều ngắn, lượng nước không điều hòa, mùa mưa thì nước sông chảy mạnh, mùa nắng làm sông bị khô hạn. Tỉnh có bốn sông lớn là sông Lũy, sông Lòng Sông, sông Cái và Sông Cà Ty. Các sông chảy qua tỉnh là sông La Ngà (từ cao nguyên Di Linh đổ xuống hồ Biền Lạc), sông Quao, sông Dinh.

3. Hiện trạng tài nguyên rừng và tài nguyên dược liệu

Theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Bình Thuận năm 2021, theo đó tổng

diện tích có rừng và rừng trồng chưa thành rừng là 342.542,61 ha, trong đó diện tích có rừng là 336.132,50 ha, gồm rừng tự nhiên 288.564,27 ha và rừng trồng là 47.568,23 ha.

Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, hiện chưa có một nghiên cứu, điều tra cơ bản toàn diện nào để thống kê có bao nhiêu loài thực vật có thể sử dụng làm dược liệu. Các nghiên cứu chủ yếu ở dạng đơn lẻ do các cá nhân, tổ chức có niềm đam mê với các loài cây dược liệu và phần lớn được thống kê từ những người dân địa phương sống trong và ven rừng; họ là những người thường xuyên sử dụng để làm thuốc hay khai thác để kiếm thêm thu nhập. Cụ thể:

- Tại khu vực phía Bắc của Bình Thuận: trong khu vực rừng tự nhiên với ưu thế là các trạng thái rừng phổ biến như rừng lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá và rừng gỗ lá rộng rụng lá (*trong đó rừng gỗ lá rộng rụng lá có diện tích lớn hơn*). Theo tìm hiểu thông qua người dân địa phương - các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên vào rừng để thực hiện công tác bảo vệ rừng, các loài dược liệu ở đây khá đa dạng, như: Bí kỳ nam (hay còn gọi là Cây tổ kiến, Trái bí kỳ nam, Kiên kỳ nam), Huyết rồng (hay còn gọi là Hồng đằng, Huyết đằng, Cây dây máu), Tắc kè đá (hay còn gọi là Cốt toái bồ), Hà thủ ô, Kim tiền thảo, Xáo tam phân, Tứ Bạch Long, An xoa, Râu mèo (hay còn gọi là cây bông bạc), Mật nhân, Ngũ gia bì, Gừng gió, Bụt giấm...., đặc biệt các loài có giá trị kinh tế cao như Sâm bố chính, Ba kích hay Nấm lim xanh.

- Tại khu vực trung tâm Bình Thuận: với diện tích rừng tự nhiên tương đối lớn chủ yếu tập trung ở các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, với kiểu trạng thái rừng chiếm ưu thế là rừng lá rộng thường xanh hoặc nửa rụng lá và rừng gỗ lá rộng rụng lá thì xuất hiện khá nhiều các loài dược liệu. Đơn cử, chỉ riêng tại lâm phận Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu đã có khoảng 160 loài cây thuốc thường dùng trong tổng số 300 loài có thể dùng làm dược liệu. Đó là: Nấm linh chi, Sa nhân, Xuyên tâm liên, Hoàng đằng, Cốt toái bồ, Thiên niên kiện, Ngũ gia bì, Dứa dại gỗ, Cam biển, Củ mài, cây Thầy thím...

- Tại khu vực miền núi phía Nam của tỉnh Bình Thuận: với khí hậu thuận lợi, mưa nhiều, có kiểu rừng đặc trưng là rừng gỗ lá rộng thường xanh, các loài cây dược liệu ở đây có sự đa dạng hơn, có 348 loài cây dược liệu. Trong số này, có 09 loài cây thuốc đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) gồm: Củ mài gừng, Cốt toái bồ, Thổ phục linh, Kim cang, Lan kim tuyến, Lệ dương, Ngũ gia bì, Ngải rơm và Râu hùm. Trong đó có 02 loài thuộc nhóm Nguy cấp - EN (*Endangered*) là: Lan kim tuyến và Cốt toái bồ, 03 loài thuộc nhóm Sẽ nguy cấp - VU (*Vulnerable*) là: Củ mài gừng, Ngải rơm, Râu hùm.

4. Đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội

Dân số trung bình của tỉnh vào thời gian gần đây nhất đạt 1.246.306 người, mật độ dân số trung bình là 156,9 người/km². Năm 2021, thu nhập bình quân đầu người một tháng của tỉnh đạt 3.915 nghìn đồng.

Sản xuất công nghiệp phát triển ổn định, các công trình, dự án điện được đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Sản xuất nông nghiệp được duy trì, diện tích gieo trồng cây ngắn ngày, cây lâu năm, sản lượng lương thực, cao su, thanh long, số

lượng gia súc, gia cầm và sản lượng khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản tăng. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi được triển khai tích cực; quản lý bảo vệ rừng, khoán sản, nguồn lợi thủy sản, xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo. Các chính sách hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục thực hiện tốt. Các hoạt động thương mại nội địa duy trì tăng trưởng, giá cả hàng hóa giữ được ổn định đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Chủ động và tập trung triển khai các biện pháp tích cực phòng, chống dịch Covid-19 và xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, tích cực, quyết liệt phòng ngừa, có từng bước đi, biện pháp phù hợp từng tình hình. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, thực hiện tốt. Chất lượng giáo dục, đào tạo được duy trì, văn hóa, văn nghệ phù hợp đảm bảo công tác phòng chống Covid-19. Các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách, người nghèo được quan tâm thực hiện tốt.

II. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU

1. Tổng quan về gây trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ dược liệu ở địa phương

Đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh mô hình trồng cây dược liệu chưa được địa phương nào gây trồng, chỉ có những tiểu thương thu gom, mua lại các sản phẩm dược liệu từ rừng thông qua người dân khai thác dược liệu, sau đó bán ra lại thị trường.

Trong năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân giao Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ xây dựng các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 67/QĐ-KHTC về việc giao nhiệm vụ thực hiện Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao. Theo đó, Chi cục Kiểm lâm đã xây dựng Dự toán chi tiết chi công việc thực hiện các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng (đối với các loài cây có thị trường tiêu thụ) trên địa bàn tỉnh được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 254/QĐ-SNN ngày 23/5/2022. Chi cục Kiểm lâm tiến hành nuôi trồng các loài cây dược liệu dưới tán rừng gồm: Nấm linh chi, Khoai mài, Sâm bố chính trên các lâm phần Ban QLRPH Sông Móng-Capét, Ban QLRPH Sông Mao, Ban QLRPH Hồng Phú, Ban QLRPH Hồng Phú, Ban quản lý khu BTTN Tà Kóu.

2. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế

2.1. Thuận lợi:

Tỉnh Bình Thuận có diện tích rừng tự nhiên lớn, khí hậu, đất đai thuận lợi, thích hợp để trồng nhiều loài cây dược liệu có giá trị là đặc trưng tại một số khu vực trong tỉnh. Người dân qua quá trình thu hái, sử dụng dược liệu ngoài tự nhiên cũng phân nào nắm được đặc tính, điều kiện sinh trưởng, phát triển và giá trị của chúng, do đó việc bảo vệ, nhân rộng và phát triển các diện tích dược liệu dưới tán rừng để vừa phục vụ cho bảo tồn nguồn gen, vừa phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội sẽ phân nào được người dân ủng hộ, nhất là các hộ nhận khoán bảo vệ rừng.

Đặc biệt đối với các loài có giá trị như Năm linh chi, Sâm bổ chính, Củ mài (Hoài sơn), Đinh lăng, Ba kích... Bên cạnh đó, việc phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh ngày càng được chính quyền địa phương quan tâm hơn, như việc Ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 07/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao. Trong thời gian tới, khi Đề án phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng và được phê duyệt sẽ góp phần thống kê các loài dược liệu trên địa bàn tỉnh, đưa ra được các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể hơn để phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh nói chung và cây dược liệu dưới tán rừng nói riêng, đảm bảo khả thi và có hiệu quả.

2.2. Khó khăn, hạn chế:

Chưa có nghiên cứu, điều tra toàn diện nào để xác định được chính xác sự phù hợp về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng của các loài dược liệu mà mới chỉ thông qua khảo sát ngoài thực địa của các tổ chức, cá nhân, hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Vốn đầu tư ban đầu để trồng và chăm sóc cây dược liệu tương đối cao so với các loại cây trồng khác, nhất là nguồn giống. Việc áp dụng quy trình kỹ thuật còn hạn chế do không có nhiều chuyên gia có trình độ trong lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh. Chưa có nhiều mô hình trồng cây dược liệu để người dân tham khảo. Thị trường tiêu thụ không ổn định, chủ yếu bán thô cho các thương lái chứ chưa có cơ sở chế biến ra sản phẩm cuối cùng cho người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá tiềm năng phát triển

Với điều kiện tự nhiên khá thuận lợi, diện tích rừng lớn với nhiều cây dược liệu tự nhiên sẵn có, khả năng phát triển cây dược liệu tại tỉnh là rất cao nếu có nhà đầu tư, đảm bảo thị trường tiêu thụ ổn định. Tuy nhiên, mô hình cây dược liệu trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa phát triển nên không đánh giá được loài cây dược liệu, quy mô phát triển và thị trường tiêu thụ sản phẩm có tiềm năng phát triển.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH THỜI GIAN TỚI (ĐẾN NĂM 2030)

1. Định hướng chính

1.1. Về vốn: Cần tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để thực hiện công tác nghiên cứu, cũng như phát triển, nhân rộng các diện tích cây dược liệu quý hiếm, có giá trị cao, cả các diện tích sẵn có ngoài tự nhiên và các diện tích trồng mới dưới tán rừng tự nhiên. Khai thác tối đa nguồn vốn từ các Chương trình, Dự án của Trung ương đầu tư, huy động lồng ghép nhiều nguồn vốn để thực hiện việc bảo tồn, nhân rộng cây dược liệu. Tranh thủ nguồn ngân sách Trung ương, địa phương để bảo vệ và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng. Chú trọng đẩy mạnh các hình thức liên doanh liên kết để bảo vệ, khai thác và trồng mới, đảm bảo phát triển bền vững cây dược liệu dưới tán rừng.

1.2. Về cơ chế, chính sách: Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về dược liệu trên địa bàn. Xây dựng chính sách ưu tiên trong sản xuất, đăng ký, lưu hành sản phẩm đối với dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu, đáp ứng với thực tiễn và phù hợp quy định hiện hành. Xây dựng cơ chế phối hợp đầu

tư và cùng hưởng lợi giữa người dân và các đơn vị chủ rừng. Trên cơ sở nhà nước hỗ trợ kinh phí hoặc kinh phí từ nguồn kinh phí tự quản lý từ dịch vụ môi trường rừng của các đơn vị chủ rừng để cung cấp nguyên liệu giống, phân bón và các vật tư khác, các hộ nhận khoán hoặc người dân sống trong và ven rừng phối hợp với đơn vị chủ rừng chủ quản trông và chăm sóc, sản phẩm khi thu hoạch được chia theo tỷ lệ đã thỏa thuận ban đầu thông qua văn bản hay hợp đồng.

1.3. Về khoa học, công nghệ: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới đặc biệt là trong khâu bảo tồn các loài dược liệu, nhân giống, trồng khảo nghiệm, đăng ký bảo hộ và chế biến các sản phẩm từ cây dược liệu. Chủ động hợp tác với các Viện nghiên cứu chuyên ngành, các trường Đại học và các tổ chức hợp tác quốc tế xây dựng và thực hiện các hoạt động đào tạo nhân lực tại địa phương, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường, bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học đối với các loài cây dược liệu. Xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp, mô hình quản lý sử dụng khai thác bền vững tài nguyên cây dược liệu dưới tán rừng nhằm nâng cao đời sống cho những hộ nhận khoán.

1.4. Về thị trường: Cần có sự nghiên cứu về nhu cầu của thị trường, có sản phẩm chế biến phù hợp với nhu cầu của thị trường, đảm bảo sản phẩm đầu ra vừa tiêu thụ được trong nước, vừa hướng đến xuất khẩu ra nước ngoài. Tạo đầu ra ổn định để gây dựng niềm tin cho người dân an tâm sản xuất, tránh tình trạng được mùa - mất giá.

2. Về cơ sở sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sơ chế, chế biến; thị trường tiêu thụ nhỏ lẻ trong dân.

3. Các chương trình, dự án đề xuất ưu tiên trên địa bàn:

Trên cơ sở Đề án phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 được phê duyệt, đề xuất ưu tiên các chương trình, dự án sau:

- Đánh giá hiện trạng cây dược liệu tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
- Dự án bảo tồn và phát triển cây dược liệu quý, hiếm, đặc hữu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
- Dự án đầu tư phát triển cây dược liệu gắn với cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị cao trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

4. Về vốn đầu tư: chưa khái toán tổng vốn và phân theo nguồn vốn thực hiện do chưa xây dựng xong Đề án phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

5. Giải pháp thực hiện:

- Hoàn thiện phê duyệt Đề án phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.
- Xây dựng và phê duyệt cơ chế chính sách phát triển cây dược liệu.
- Nghiên cứu chế tạo, công nhận, bảo hộ các giống cây dược liệu trên địa bàn tỉnh; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật về canh tác, khảo nghiệm, chứng nhận chất lượng đối với cây dược liệu.
- Liên kết phát triển cây dược liệu bền vững.

6. Kiến nghị, đề xuất:

Ban hành cơ chế chính sách riêng để phát triển cây dược liệu một cách bền vững, đảm bảo sự ổn định, xuyên suốt, thống nhất giữa các khâu “Trồng, chăm sóc – Khai thác – Chế biến – Tiêu thụ sản phẩm”.

Phụ lục II. Báo cáo thực trạng, định hướng phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng

I. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG

1. Về thực trạng

1.1. Thực trạng trồng, khai thác, chế biến gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ

a) Tổng trữ lượng gỗ của tỉnh khoảng 29.287.678 m³, trong đó trữ lượng rừng tự nhiên khoảng 27.968.022 m³ (chiếm 95,49% trữ lượng), rừng trồng khoảng 1.615.409 m³ (bao gồm rừng cao su cấp tuổi 5 khoảng 10.151 m³), có 566,5 triệu cây tre, nứa.

- Rừng đặc dụng có trữ lượng gỗ khoảng 3.098.354 m³ (chiếm 10,57% tổng trữ lượng rừng toàn tỉnh), trong đó trữ lượng gỗ rừng tự nhiên khoảng 3.091.917 m³, rừng trồng 7.464 m³, cây tre, nứa khoảng 98,7 triệu cây.

- Rừng phòng hộ có trữ lượng gỗ khoảng 12.466.299 m³ (chiếm 42,56% tổng trữ lượng toàn tỉnh), trong đó trữ lượng gỗ rừng tự nhiên khoảng 12.275.551 m³, rừng trồng 208.121 m³, cây tre, nứa khoảng 98,3 triệu cây.

- Rừng sản xuất có trữ lượng gỗ khoảng 12.172.185 m³ (chiếm 41,56% tổng trữ lượng toàn tỉnh), trong đó trữ lượng gỗ tự nhiên khoảng 11.200.303 m³, rừng trồng 1.249.236 m³, cây tre, nứa khoảng 365,8 triệu cây.

- Trữ lượng gỗ ngoài quy hoạch 03 loại rừng có khoảng 1.550.840 m³ (chiếm 5,29% tổng trữ lượng toàn tỉnh), trong đó trữ lượng gỗ rừng tự nhiên khoảng 1.400.252 m³, rừng trồng 150.588 m³, cây tre, nứa khoảng 3,7 triệu cây.

(chi tiết theo Biểu số 01)

b) Thống kê về diện tích, khối lượng và ước giá trị của các loại lâm sản ngoài gỗ

Các nghiên cứu về lâm sản ngoài gỗ chỉ dừng ở mức độ chủ rừng, đặc biệt đối với các đơn vị mà tài nguyên rừng có tính đa dạng sinh học cao. Hiện trạng lâm sản ngoài gỗ ở một số đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, cụ thể như sau:

- *Tại Khu BTTN Tà Kóu:*

+ Có ít nhất 67 loài thực vật cho LSNG được khai thác phổ biến. Trong đó bao gồm ít nhất 38 loài làm thực phẩm và 04 loài làm gia vị. Nhóm thực vật không ăn được gồm có 02 loài cho Dầu nhựa, ít nhất 07 loài thuộc nhóm nguyên liệu, 11 loài thuộc nhóm cây cảnh và 36 loài làm dược liệu phổ biến trong cộng đồng vùng đệm KBTTN Tà Kóu. Trong đó, nhóm thực vật dùng làm thức ăn và làm thuốc là quan trọng nhất, có vai trò không thể thiếu trong cộng đồng.

+ Có ít nhất 38/79 loài thực vật ăn được tại KBTTN Tà Kóu được cộng đồng địa phương thường sử dụng làm thức ăn.

+ Có ít nhất 11 loài thực vật thường được người dân sử dụng làm cảnh.

+ Có ít nhất 45 loài động vật có xương sống trên cạn, chưa kể đến một loài lươn (*Fluta alba*), 01 loài ốc núi, một số loài cá và côn trùng thường được cộng đồng địa phương dùng làm thức ăn trong gia đình. Trong đó, gồm có ít nhất 13 loài bò sát và một loài lưỡng cư, 15 loài chim, 15 loài thú. Hầu hết các loài này bị săn bắt quanh năm, trừ có một vài loài bị khai thác ở thời gian nhất định như loài Ếch òn (*Glyphoglossus molussus*) thì thường tập trung vào tháng 4 đến tháng 10. Có 17 loài động vật được sử dụng để làm cảnh và trang trí.

+ Một sản phẩm từ động vật đáng chú ý tại vùng đệm là mật ong. Ở đây mật ong chia làm hai loại mật ong lấy từ Ong ruồi và Ong mật. Mật ong ruồi có giá trị và chất lượng hơn mật ong mật do đó giá cả của mật ong ruồi cũng cao hơn so với ong mật.

- *Tại Ban quản lý rừng phòng hộ Hàm Thuận – Đa Mi:* Hiện trạng về tài nguyên Lâm sản ngoài gỗ được chia thành 2 nhóm: nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm nguyên liệu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

+ Nhóm cây làm thuốc: Quá trình theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả điều tra thực địa, phỏng vấn người dân trong khu vực thì nhóm cây làm thuốc ở Ban quản lý rừng phòng hộ Hàm Thuận Đa Mi hiện có 112 loài nhưng chưa được phân hạng. Trong số này, có 09 loài cây thuốc đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007): 02 loài thuộc nhóm Nguy cấp - EN (*Endangered*), 07 loài thuộc nhóm Sẽ nguy cấp - VU (*Vulnerable*); 06 loài phân bố hẹp hiện đang bị đe dọa.

+ Nhóm cây làm nguyên liệu sản xuất rất phong phú gồm nhiều loại như: Tre, Le, Lò ô, Mum, Nứa, Mây...; phân bố trên địa bàn 03 xã: Đa Mi, La Dạ, Đông Tiến. Trong đó diện tích rừng Tre Nứa là 805,63 ha; rừng hỗn giao Gỗ, Tre, Nứa là 5.477,87 ha. Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu, tạo việc làm cho phần lớn hộ dân trong khu vực.

- *Tại Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà:* Nhóm cây làm thuốc có 348 loài nhưng chưa được phân loại. Trong số này, có 09 loài cây thuốc đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007): 02 loài thuộc nhóm Nguy cấp - EN (*Endangered*), 07 loài thuộc nhóm Sẽ nguy cấp - VU (*Vulnerable*); 06 loài phân bố hẹp hiện đang bị đe dọa. Nhóm cây làm nguyên liệu sản xuất Tiểu thủ công nghiệp trên lâm phần Ban quản lý rất phong phú gồm nhiều loại như: Tre, Le, Lò ô, Mum, Nứa, Mây...; phân bố trên địa bàn 04 xã: Bắc Ruộng, Huy khiêm, Đồng Kho, La Ngâu. Trong đó diện tích rừng Lò ô là 1.317,15 ha; rừng hỗn giao Gỗ + Tre Nứa là 5.231,73 ha; rừng hỗn giao Tre Nứa + Gỗ là 1.522,82 ha.

- *Tại Ban quản lý rừng phòng hộ Tuy Phong:* Kết quả điều tra cho thấy có 253 loài và được chia thành 4 nhóm công dụng gồm: nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm cảnh và nhóm cây làm thực phẩm và nhóm cây làm nguyên liệu làm đồ dùng hoặc nguyên liệu giấy.

+ Nhóm cây làm thuốc: có 159 loài, chiếm 62,85% tổng số loài lâm sản ngoài gỗ, phân bố ở rải rác trên toàn lâm phần, những loài cây thuốc này được các thầy thuốc và người dân địa phương thu hái để chữa trị các bệnh thông thường như cảm cúm, sởi, sốt cao, ho, mẩn ngứa, bồi bổ cơ thể, giải độc, đau răng hay nhiều bệnh khác; các loài cây thuốc được thu hái và sử dụng phổ biến như: Bạch đậu

khâu (*Amomum compactum*), Tầm bóp (*Physalis angulata* L), Mật nhân (*Eurycoma longifolia* Jack), An Xoa (*Helicteres hirsuta* Lour), Cỏ ngọt (*Stevia rebaudiana*), Nghệ rừng (*Curcuma aromatica*), Mã tiền (*Strychnos nux-vomica*), Diệp hạ châu đắng (*Phyllanthus amarus*), Cà ri (*Murraya koenigii*), Cáp trung bộ (*Capparis annamensis*), Cỏ xước (*Achyranthes aspera*), Bò quả hoe (*Uvaria rufa*), Cam thảo đất (*Scoparia dulcis*), Hà thủ ô (*Streptocaulon juvenas*), Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis*), Nhàu (*Morinda citrifolia*), É lớn tròng (*Hyptis suaveolens*), Mè đất (*Leucas zeylanica*), Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Cam Thảo dây (*Abrus precatorius*), Tắt kè đá (*Drynaria bonii* Christ), Năm Ngọc Cầu (*Cibotium barometz*).

+ Nhóm cây làm cảnh: Có 60 loài cây giá trị làm cảnh, chiếm 23,71% tổng số loài lâm sản ngoài gỗ ở khu vực, nhóm này được khai thác làm cây cảnh vì có hoa đẹp, làm bonsai hay trồng lấy bóng mát. Các loài phổ biến như các loại Phong lan, Mai đỏ (*Ochna atropurpurea*), Huỳnh mai (*Ochna integerrima*), Gừa (*Ficus microcarpa*), Duối nhám (*Streblus asper*), Sanh (*Ficus benjamina* L), Sung (*Ficus glomerata* Roxb), các loài trong chi Tuế (*Cycas*) và các loài trong chi Bằng lăng (*Lagerstroemia*).

+ Nhóm cây làm thực phẩm: Có 21 loài có giá trị thực phẩm, chiếm 8,30 % tổng số loài trong khu vực, nhóm này được khai thác để làm gia vị, làm rau ăn, hay lấy quả và các bộ phận khác ăn được. Các loài phổ biến như lá Bép (rau Nhíp) (*Gnetum gnemon* L. var. *griffithii* Markgr), Trâm mốc (*Syzygium cumini* L. Skeels), Trái gùi (*Willughbeia cochinchinensis* Pierre K.), Dâu da (*Baccaurea acuminata*), Rau má (*Centella asiatica*), Dền (*Amaranthus viridis*), Lá giang (*Aganonerion polymorphum*), Xoài rừng (*Mangifera indica*), Bứa (*Garcinia oliveri*), Xây (*Dialium cochinchinense*), Khoai rạn (*Dioscorea glabra*), Từ nhám (*Dioscorea pentaphylla*).

+ Nhóm cây làm nguyên liệu: có 13 loài, chiếm 5,14% tổng số loài lâm sản ngoài gỗ ở khu vực, nhóm này được khai thác để làm nguyên liệu giấy, phục vụ trong xây dựng hoặc các vật dụng gia đình thân thiện với môi trường, phổ biến như: Le, Lô ô, Mây, Bạc mỳ....

Tóm lại, các nghiên cứu về lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận chưa có nhiều và chuyên sâu nên số liệu thống kê trên toàn tỉnh chưa thực sự đầy đủ và chi tiết. Qua đây, chúng ta có thể thấy rằng hiện trạng về lâm sản ngoài gỗ tại nhiều chủ rừng chưa thực sự được quan tâm và chú ý. Trong giai đoạn tới, việc thực hiện Dự án quản lý rừng bền vững cần nghiên cứu bổ sung những công trình liên quan đến lâm sản ngoài gỗ không chỉ ở từng chủ rừng và trên phạm vi toàn tỉnh để hệ thống cơ sở dữ liệu về lâm sản ngoài gỗ được thống kê một cách đầy đủ và hoàn thiện hơn. (*chi tiết theo Biểu số 02*)

c) Thống kê tình hình chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh/thành phố, bao gồm: Toàn tỉnh Bình Thuận hiện có 805 cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến gỗ và lâm sản, trong đó 199 cơ sở là các doanh nghiệp (DN) và 606 cơ sở sản xuất quy mô hộ gia đình. (*chi tiết theo Biểu số 03*)

d) Thống kê về chủng loại sản phẩm và giá trị sản phẩm gỗ và lâm sản (*không có số liệu thống kê*)

1.2. Thực trạng về phát triển các dịch vụ môi trường của hệ sinh thái rừng
Thống kê về tiền thu được từ các loại dịch vụ môi trường rừng (*chi tiết theo Biểu số 05*)

1.3. Thống kê về hiệu quả của một số mô hình sản xuất lâm, nông, ngư kết hợp tiêu biểu trên địa bàn đang triển khai (*không có số liệu thống kê*)

1.4 Thống kê về nguồn kinh phí của các chương trình, dự án, xã hội hóa đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2022 (*chi tiết theo Biểu số 07*)

2. Đánh giá tiềm năng phát triển các giá trị đa dụng của HST rừng của địa phương: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển các giá trị đa dạng của HST rừng.

II. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Định hướng chính về phát triển các giá trị của hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh

1.1. Về trồng, khai thác, chế biến gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ:

- Về gỗ lớn: Trên cơ sở định hướng vùng kinh doanh gỗ lớn, ưu tiên lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hoàn thành mục tiêu trồng rừng gỗ lớn giai đoạn đến năm 2030, cụ thể là trồng lại rừng sau khai thác thuộc đối tượng rừng sản xuất.

Toàn bộ diện tích phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận trên địa bàn huyện Hàm Tân.

- Về gỗ nhỏ: Tập trung phát triển ở những vùng có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ít thuận lợi hơn so với khu vực rừng trồng kinh doanh gỗ lớn. Chủ yếu vì khí hậu vùng này khắc nghiệt, nắng hạn, đất đai khô cằn nên rừng trồng không có khả năng phát triển cây gỗ lớn. Vì vậy, ở vùng này chỉ có thể phát triển rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ mà không thể kinh doanh gỗ lớn được. Tổng diện tích phát triển nguồn nguyên liệu gỗ nhỏ đến năm 2030 toàn tỉnh là 26.156 ha, trong đó:

+ Chăm sóc, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng 4.475 ha rừng phòng hộ.

+ Trồng lại sau khai thác: 14.796 ha (bao gồm: 899 ha rừng phòng hộ, 13.897 ha rừng sản xuất).

+ Trồng mới trên diện tích đất chưa có rừng 421 ha (bao gồm: 121 ha rừng phòng hộ, 300 ha rừng sản xuất).

+ Trồng rừng trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 6.464 ha.

- Về nguyên liệu gỗ Cao su: Tổng diện tích phát triển vùng nguyên liệu gỗ cao su đạt khoản 44.000 ha. Trong đó, diện tích khoản 10.000 ha nằm trong quy hoạch 3 loại rừng tập trung rừng sản xuất và rừng phòng hộ ở huyện Đức Linh, Tân Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc và diện tích ngoài quy hoạch 3 loại rừng khoản 34.000 ha.

- Tận thu rừng tự nhiên từ các dự án chuyên đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Trong giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh dự kiến có

2.131,43 ha diện tích rừng tự nhiên được khai thác do chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện các dự án, trong đó có 612 ha thuộc Dự án hồ chứa nước Ka Pét đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 93/2019/QH14), 929 ha thuộc Dự án khu tái định canh, định cư hồ La Ngà 3, 9,05 ha dự án mở rộng quốc lộ 28B, và 581,38 ha các dự án khác (các dự án điện, giao thông, khu công nghệ cao...).

- Nguyên liệu từ cây trồng phân tán: Khoảng 1.000 ha trên địa bàn toàn tỉnh.

- Nguyên liệu từ cây lâu năm, cây ăn trái (điều, xoài, mít, nhãn...): Bình quân mỗi năm, toàn tỉnh thanh lý khoảng 1.000 ha. Tập trung ở các huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Hàm Tân, Tánh Linh, Bắc Bình và Đức Linh.

- Về trữ lượng khai thác:

+ Đối với vùng nguyên liệu gỗ lớn hàng năm khai thác bình quân khoảng 30 ha với trữ lượng bình quân là 125 m³/ha. Tổng sản lượng nguyên liệu gỗ hàng năm phục vụ cho ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh khoảng 3.750 m³.

+ Đối với vùng nguyên liệu gỗ nhỏ hàng năm khai thác bình quân khoảng 2.650 ha với trữ lượng bình quân là 80 m³/ha. Tổng sản lượng nguyên liệu gỗ hàng năm phục vụ cho ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh khoảng 212.000 m³.

+ Đối với vùng nguyên liệu cây cao su: hàng năm khai thác cây cao su đến tuổi thanh lý bình quân khoảng 800 ha với trữ lượng bình quân là 125 m³/ha. Tổng sản lượng nguyên liệu gỗ hàng năm phục vụ cho ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh khoảng 100.000 m³.

+ Trữ lượng tận dụng, tận thu gỗ rừng tự nhiên khi thực hiện khai thác do chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh là hơn 234.000 m³.

1.2. Về phát triển các dịch vụ của hệ sinh thái rừng (chi trả dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí, dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon, sản xuất lâm, nông, ngư kết hợp) *(không có số liệu thống kê)*

2. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên cho từng lĩnh vực và nhu cầu kinh phí thực hiện (phân theo giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 và nguồn vốn)

2.1. Tên dự án: Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành gỗ

- Mục tiêu: Sử dụng công nghệ, bản đồ số hóa để quản lý số lượng cơ sở, quản lý nguyên liệu đầu vào, sản phẩm sản xuất và thị trường tiêu thụ..., ... làm cơ sở cho việc quản lý, dự báo và hoạch định chính sách, nhằm thúc đẩy phát triển ngành gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Nội dung: Khảo sát, thu thập cơ sở dữ liệu cơ bản về số lượng, vị trí, quy mô các cơ sở sản xuất, chế biến gỗ. Thu thập các thông tin về nguồn nguyên liệu đầu vào, sản phẩm sản xuất chính, nguồn lực, công nghệ máy móc thiết bị sử dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý và theo dõi, cập nhật tình hình biến động các cơ sở sản xuất, chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì và thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương và Hiệp hội hàng thủ công mỹ nghệ và đồ gỗ Bình Thuận

- Tổng kinh phí: 3.000 triệu đồng từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

- Thời gian thực hiện: 2023-2024

2.2. Tên dự án: Giải pháp quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu gỗ

- Mục tiêu: Tạo được nguồn nguyên liệu từ gỗ rừng trồng và nâng cao giá trị gỗ rừng trồng thông qua thực hiện quản lý rừng bền vững. Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới về nguồn gốc gỗ hợp pháp.

- Nội dung: Hỗ trợ chủ rừng, các hộ nhận khoán rừng thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi. Hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng dụng cụ rừng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Xây dựng, tổ chức thực hiện tốt đề án quản lý rừng bền vững và hỗ trợ các thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho toàn bộ rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các khóa tập huấn về các chứng chỉ truy xuất nguyên liệu từ rừng trồng và quản lý rừng bền vững, chứng chỉ CO, COC,... Tổ chức thí điểm mô hình xây dựng hệ thống quản lý nguồn gốc gỗ và hỗ trợ cấp chứng chỉ gỗ có nguồn gốc hợp pháp.

- Cơ quan chủ trì và thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương và các doanh nghiệp có liên quan.

- Tổng kinh phí: 32.800 triệu đồng, trong đó: Vốn Ngân sách Nhà nước là 10.800 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp là 22.000 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện: 2023-2030

2.3. Tên dự án: Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng trồng cung cấp nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến gỗ

- Mục tiêu: nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu tập trung ổn định lâu dài để chủ động cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ với hiệu quả kinh tế cao, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao thu nhập của người dân; đảm bảo phát triển sản xuất bền vững, ổn định.

- Nội dung: thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển rừng trồng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trong đó tập trung tại các huyện Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình và Tánh Linh với diện tích là 22.000 ha.

- Cơ quan chủ trì và thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương và các đơn vị chủ rừng.

- Tổng kinh phí: 648.000 triệu đồng, trong đó: Vốn Ngân sách Nhà nước là 72.000 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp là 576.000 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện: 2023-2030

2.4. Tên dự án: Tăng cường năng lực cho Hiệp hội hàng Thủ công mỹ nghệ và đồ gỗ Bình Thuận

- Mục tiêu: Nâng cao hiểu biết và khả năng đáp ứng của hiệp hội trước những nhu cầu về tăng cường năng lực điều hành; Cải thiện khả năng quản lý và cung cấp các cơ hội phát triển chất lượng cao; Nâng cao năng lực của hiệp hội về tạo ra nhu cầu và nguồn doanh thu cho các cơ hội về phát triển sản xuất. Tăng cường năng lực hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp có sản phẩm chiến lược, đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu tại các nước là thị trường chính và tiềm năng. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu, thị trường trong nước.

- Nội dung: Hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ năng suất chất lượng; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và hỗ trợ đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Hỗ trợ thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ; hỗ trợ ứng dụng các phần mềm trong quản lý. Hỗ trợ khai thác thông tin khoa học - công nghệ và sở hữu trí tuệ phục vụ nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm trong nước, nước ngoài, các hội nghị, hội thảo. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì và thực hiện: Hiệp hội hàng Thủ công mỹ nghệ và đồ gỗ Bình Thuận

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, các địa phương và các doanh nghiệp có liên quan.

- Tổng kinh phí: 10.700 triệu đồng, trong đó: Vốn Ngân sách Nhà nước: 1.400 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp: 9.300 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện: 2023-2025

3. Giải pháp thực hiện

- Ban hành các văn bản có những tác động tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến lâm sản phát triển ổn định; các quy định, hướng dẫn của Nhà nước giao quyền cho doanh nghiệp, người dân chủ động và tự chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khai thác, vận chuyển và chế biến lâm sản, cơ quan Nhà nước chỉ tiến hành kiểm tra, kiểm soát sau quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn, cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo yêu cầu của thị trường quốc tế; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nguyên liệu, từ chọn, tạo giống, kiểm soát, đảm bảo chất lượng giống cho trồng rừng, đến trồng rừng thâm canh, chăm sóc rừng, khai thác gỗ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị rừng trồng; phát triển vùng nguyên liệu ổn định để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng cao của công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt

là nhân lực chất lượng cao cho ngành chế biến gỗ. Ưu tiên đầu tư cho các trung tâm nghiên cứu, đào tạo đầu ngành để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết, phối hợp giữa doanh nghiệp và các trung tâm đào tạo, chú trọng đào tạo đồng bộ và kết hợp hài hòa giữa các nhóm nhân lực thuộc các loại hình đào tạo đại học, trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thực tế phát triển và công nghệ của ngành chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

- Các doanh nghiệp tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ; sử dụng hiệu quả nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, giá thành, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước; chú trọng xây dựng thương hiệu Việt cho các sản phẩm xuất khẩu, sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn, phù hợp với yêu cầu thị trường quốc tế; phấn đấu có ít nhất một sản phẩm của ngành lâm nghiệp là sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ Việt Nam; xây dựng hệ thống thông tin thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm, thúc đẩy thương mại điện tử cho các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ; triển khai và thực hiện tốt các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, chú trọng hơn nữa thị trường trong nước; tập trung ưu tiên nguồn lực cho các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, đầu tư các trung tâm triển lãm quy mô lớn tương xứng với tiềm năng phát triển ngành chế biến gỗ.

- Các hiệp hội của cộng đồng doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ chủ động hội nhập, thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế, tuân thủ luật pháp quốc tế; từng bước nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ và quản trị doanh nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm mới có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; tuyên truyền, vận động hội viên đẩy mạnh sản xuất kinh doanh gỗ hợp pháp và bền vững môi trường, kiên quyết “nói không” với việc sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc bất hợp pháp.

4. Kiến nghị, đề xuất

Để triển khai và thực hiện có hiệu quả về tiềm năng vùng nguyên liệu gỗ trên địa bàn tỉnh, kiến nghị các bộ, ngành các nội dung sau:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
 - + Tạo điều kiện giúp đỡ để tỉnh Bình Thuận được tiếp nhận các dự án có liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
 - + Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ.
- Bộ Công thương: Xây dựng và ban hành chính sách quy định về phòng chống gian lận thương mại nhằm ngăn chặn hành vi gian lận thương mại của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản.
- Bộ Tài chính: Xây dựng và ban hành chính sách ưu đãi thuế để tạo điều kiện khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chế biến gỗ, lâm sản nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ chế biến gỗ, lâm sản tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Xây dựng và ban hành tiêu chí thu hút các dự án đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản nhằm loại bỏ những dự án vốn và công nghệ thấp, ô nhiễm môi trường,....

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tự động hóa, tiết kiệm nguyên liệu, thân thiện với môi trường trong xẻ, ngâm tẩm, sấy gỗ và bảo quản lâm sản, sản xuất các loại ván công nghiệp.

Để xây dựng và phát triển nguồn nguyên liệu gỗ mang tính chất bền vững trên địa bàn tỉnh, đề xuất một số nội dung như sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển vùng nguyên liệu gỗ; Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối).

- Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố căn cứ đề án đã được phê duyệt, tổ chức rà soát và đề xuất các hoạt động công nghiệp chế biến gỗ tại địa phương và tổ chức, hướng dẫn thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát.

- Các doanh nghiệp chế biến gỗ căn cứ định hướng của Trung ương và địa phương để có chiến lược đầu tư sản xuất kinh doanh phù hợp cơ chế thị trường, trong đó cần chú ý vấn đề bảo vệ môi trường và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã và sẽ tham gia liên quan đến vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu.

(Kèm theo các Biểu mẫu thuộc phụ lục II)

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp ./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Lâm nghiệp (b/c);
- Giám đốc; Phó GD Sở (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, CCKL, Nghĩa (5b).

GIÁM ĐỐC

Mai Kiều

